

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020-2021

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

BÀI 21 - XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

Câu 1.(NB) Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam mà nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (1959) xác định là con đường nào sau đây?

- A. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.
- B. Giữ gìn và phát triển lực lượng chờ thời cơ.
- C. Chuyển từ hình thức vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị hoà bình chống Mỹ - Diệm.
- D. Thực hiện ngay hình thức tổng tiến công và nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Câu 2. (NB)Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954 là đặc điểm nào sau đây?

- A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau bởi những âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - Diệm.
- B. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.
- C. Pháp rút quân ra khỏi miền Bắc và miền Nam Việt Nam.
- D. Pháp không tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử ở hai miền Bắc và Nam Việt Nam.

Câu 2. (NB)Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ 1954 là đặc điểm nào sau đây?

- A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau bởi những âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - Diệm.
- B. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.
- C. Pháp rút quân ra khỏi miền Bắc và miền Nam Việt Nam.
- D. Pháp không tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử ở hai miền Bắc và Nam Việt Nam.

Câu 4.(NB) Nhằm đẩy lùi lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tiến hành thủ đoạn nào sau đây?

- A. Lập **Áp chiến lược** nhanh chóng bình định miền Nam.
- B. Tăng nhanh viện trợ quân sự và cố vấn cho Diệm.
- C. Thực hiện chính sách tổ cộng, diệt cộng.
- D. Đẩy mạnh tàn sát nhân dân, tiêu diệt những người kháng chiến cũ.

Câu 5.(TH) Chiến thắng nào mở ra khả năng quân và dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược *Chiến tranh đặc biệt*?

- A. Chiến thắng **Áp Bắc**.
- B. Chiến thắng Vạn Tường.
- C. Chiến thắng Bình Giả.
- D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 6.(TH) Quân và dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh Đặc biệt” của Mỹ với chiến thắng quân sự nào sau đây?

- A. Bình Giả (Bà Rịa).

- B. Ấp Bắc (Mỹ Tho).
- C. An Lão (Bình Định).
- D. Ba Gia (Quảng Ngãi).

Câu 7.(NB) Trong chiến lược *Chiến tranh Đặc biệt* (1961-1965) Mỹ –Diệm đã sử dụng lực chủ yếu nào?

- A. Quân đội tay sai.**
- B. Quân viễn chinh Mỹ.
- C. Cố vấn Mỹ.
- D. Quân Mỹ và chư hầu.

Câu 8.(NB) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng(9/1960) đã xác định cách mạng miền Bắc có vai trò gì đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước?

- A.Có vai trò quyết định nhất .**
- B. Có vai trò quyết định trực tiếp.
- C. Có vai trò quyết định gián tiếp.
- D. có vai trò quan trọng.

Câu 9. (TH) Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là ý nghĩa của phong trào nào?

- A. Phong trào Đồng khởi (1959-1960).**
- B. Phong trào hoà bình (8/1954).
- C. Phong trào chống tổ cộng diệt cộng của nhân dân miền Nam.
- D. Phong trào phá Ấp chiến lược.

Câu 10(TH). Nội dung nào trong kế hoạch Giôn xon – Mac Namara chứng tỏ đó là bước lùi của Mỹ so với kế hoạch Stalay – Taylo?

- A. Bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm.**
- B. Tăng nhanh viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.
- C. Đẩy mạnh việc lập Ấp chiến lược.
- D. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn và cố vấn Mỹ.

Câu 11(NB): Nội dung nào sau đây của Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng (9-1960) xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc?

- A. Khôi phục kinh tế - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh .
- B. Đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.**
- C. Đấu tranh chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ .
- D. Ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam đấu tranh chống Mỹ.

Câu 12: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 (1-1959) của Đảng xác định phương pháp đấu tranh chủ yếu của cách mạng miền Nam là gì?

- A. Bạo lực cách mạng.**
- B. Đấu tranh hoà bình.
- C. Đấu tranh ngoại giao.
- D. Kết hợp bạo lực cách mạng và đấu tranh ngoại giao.

Câu 13: Ngày 10 tháng 10 năm 1954 gắn liền với sự kiện nào dưới đây trong lịch sử dân tộc?

- A. Quân đội Việt Nam tiếp quản thủ đô Hà Nội.
- B. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.
- D. Pháp buộc phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.

Câu 14: Trong những năm (1961 – 1965), đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh đặc biệt.
- B. Chiến tranh cục bộ.
- C. Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 15: Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt, quân đội Sài Gòn sử dụng phổ biến chiến thuật nào dưới đây?

- A. Trục thẳng vận, thiết xa vận.
- B. Tìm diệt và bình định.
- C. Tràn ngập lãnh thổ.
- D. Bao vây, đánh lấn

BÀI 22 - NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC ... (1965 – 1973)

Câu 1. Sự kiện nào của quân dân ta ở miền Nam trong chiến đấu chống Mỹ đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh?

- A. Chiến thắng Vạn Tường.
- B. Chiến thắng Ấp Bắc.
- C. Chiến thắng Bình Giã.

D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 2. Trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” đế quốc Mỹ đã sử dụng những lực lượng nào?

- A. Quân đội Sài Gòn.
- B. Quân đồng minh của Mỹ.
- C. Quân viễn chinh Mỹ, quân đội Sài Gòn và quân đồng minh của Mỹ.**
- D. Quân đội Sài Gòn và quân đồng minh của Mỹ.

Câu 3. Đế quốc Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào trong những năm 1969 - 1973?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- B. Chiến lược “Chiến tranh Cục bộ” .
- C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”.**
- D. chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phải là mục đích của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

- A. Phá tiềm lực kinh tế quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. Ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc, từ miền Bắc vào miền Nam.
- C. Buộc Việt Nam phải ký Hiệp định Pa-ri với những điều khoản có lợi cho Mỹ.**
- D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí kháng chiến chống Mỹ của nhân dân hai miền.

Câu 5. Thắng lợi nào của nhân dân ta ở miền Nam buộc Mỹ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.**
- C. Trận “Điện Biên phủ trên không” cuối 1972.
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 6. Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam sau thất bại nào?

- A. Trận Vạn Tường.
- B. Ở trận Ấp Bắc.
- C. Chiến lược chiến tranh đặc biệt**
- D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 7. Lực lượng chủ yếu được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là:

- A. Quân đội Sài Gòn**
- B. Quân Mĩ và Đồng minh của Mĩ
- C. Quân đồng minh và quân đội Sài Gòn
- D. Quân Sài Gòn và quân Mĩ.

Câu 8. Thủ đoạn nào **không** nằm trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam?

- A. “Tìm diệt”
- B. “Bình định”
- C. Mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc
- D. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương**

Câu 9. Mĩ phải dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (đầu tháng 8/1964) nhằm mục đích gì?

- A. Để thử sức phòng vệ của lực lượng Hải quân miền Bắc.
- B. Để mở đầu chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- C. Để lấy cớ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.**
- D. Để lấy cớ giải trình với quốc hội Mĩ.

Câu 10. Điều khoản nào của Hiệp định Pari có lợi cho cách mạng miền Nam?

- A. Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- B. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- C. Hai miền Nam Bắc Việt Nam sẽ thương lượng về việc thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.
- D. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí Hiệp định, hủy bỏ các căn cứ quân sự của Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.**

Câu 11: Thắng lợi nào sau đây của quân và dân Việt Nam buộc Mĩ phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.**
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- C. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi năm 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975.

Câu 12: Ngày 6-6-1969, sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập.

B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam dự Hội nghị Pa-ri.

C. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí kết.

D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương được tổ chức.

Câu 13: Trong những năm (1969 – 1973), đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 14: Nội dung nào dưới đây là âm mưu của Mỹ khi gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972?

A. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

C. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.

D. Nhằm nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 15: Thắng lợi nào của quân và dân Việt Nam đã buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.

C. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi năm 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975.

Câu 16: Âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972 là gì?

A. Gây sức ép buộc ta phải nhượng bộ trên bàn đàm phán ngoại giao.

B. Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh và hỏa lực với lực lượng cách mạng.

C. Gây sức ép với các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây là nội dung của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

C. Mỹ công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

D. Việt Nam tạm thời bị chia cắt ở vĩ tuyến 17.

BÀI 23 - MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC. GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973- 1975)

Câu 1: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra và hoàn chỉnh sau khi nhận được tin thắng lợi từ chiến dịch nào?

A. Đường 14 – Phước Long.

B. Huế - Đà Nẵng.

C. Tây Nguyên.

D. Điện Biên Phủ trên không.

Câu 2: Chiến dịch nào sau đây kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang một giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?

A. Tây Nguyên.

B. Huế - Đà Nẵng.

C. Hồ Chí Minh.

D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 3: Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.

D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 4. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975?

A. Tinh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.

C. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

D. Hậu phương miền Bắc lớn mạnh đã chi viện cho miền Nam.

Câu 5. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975, đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

A. Chiến thắng Phước Long

B. Chiến thắng Tây Nguyên

C. Chiến thắng Huế -Đà Nẵng

D. Chiến thắng Quảng Trị

Câu 6. Khi chiến dịch Tây Nguyên đang diễn ra thì Đảng ta đã quyết định mở chiến dịch nào?

A. Chiến dịch giải phóng Quảng Trị.

B. Chiến dịch đường số 14 Phước Long.

C. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 7. “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975”. Quyết định này ra đời khi

A. chiến dịch Huế Đà Nẵng và chiến dịch Tây Nguyên chuẩn bị bắt đầu.

B. chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng sắp thắng lợi.

C. chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng giành thắng lợi.

D. chiến dịch Hồ Chí Minh và chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi.

Câu 8. Chiến thắng nào củng cố thêm quyết tâm giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976 của Bộ Chính trị ?

A. Chiến thắng Quảng Trị.

B. Chiến thắng Tây Nguyên.

C. Chiến thắng Phước Long.

D. Chiến thắng Đà Nẵng.

Câu 9. Thắng lợi nào của nhân dân ta đã mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Cách mạng tháng Tám 1945.
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.**

Câu 10. Chiến thắng đường số 14 Phước Long **không** khẳng định nội dung nào sau đây?

- A. Quân đội Sài Gòn đã bắt lức
- B. Sự can thiệp trở lại bằng quân sự của Mĩ rất hạn chế.
- C. Mĩ đã hoàn toàn từ bỏ chiến tranh xâm lược Việt Nam.**
- D. Sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

Câu 11. Nguyên nhân quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là gì?

- A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước.
- B. Có hậu phương miền Bắc vững chắc.
- C. Có sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.**
- D. Có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

BÀI 24 - VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC NĂM 1975

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. Ổn định tình hình chính trị, xã hội ở miền Nam.
- C. Thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.**
- D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất quyết định tên nước là gì?

- A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**
- B. Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- C. Việt Nam Cộng hòa.
- D. Việt Nam độc lập đồng minh.

Câu 3. (NB) Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, tình hình cách mạng nước ta có thuận lợi nào sau đây?

- A. Nước ta đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. Nước ta hoàn thành sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.**
- C. Nước ta hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trên cả nước.
- D. Nước ta hoàn thành cuộc cách mạng vô sản.

Câu 4. (NB) Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 9 năm 1975 đã đề ra nhiệm vụ nào sau đây?

A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực.

C. Hàn gắn vết thương chiến tranh.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

Câu 5. (NB) Quốc hội khóa VI, nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội quyết định nội dung nào sau đây?

A. Quyết định nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Quyết định tên nước là Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

C. Quyết định Tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

D. Quyết định gia nhập Liên Hợp Quốc.

Câu 6. (NB) Quốc hội khóa VI, nước Việt Nam thống nhất diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ ngày 15/11/1975 đến ngày 21/11/1975.

B. Từ ngày 25/4/1976 đến ngày 30/4/1976.

C. Từ ngày 24/6/1976 đến ngày 3/7/1976.

D. Từ ngày 20/9/1977 đến ngày 30/9/1977.

Câu 7. Thắng lợi nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới?

A. Thắng lợi của việc ký Hiệp định Pa-ri 1973.

B. Thắng lợi của đại thắng mùa Xuân 1975.

C. Thắng lợi của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.

Câu 8. Ngày 20 – 9 – 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức nào?

A. ASEAN.

B. WTO.

C. Liên hợp quốc.

D. APEC.

Câu 9. Hội nghị nào đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Hội nghị Hiệp thương chính trị tổ chức tại Sài Gòn.

B. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng (9 – 1975).

C. Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đảng (7 – 1973).

D. Hội nghị TƯ lần thứ 15.

Câu 10. Sau mùa Xuân 1975, nguyện vọng tình cảm thiêng liêng của nhân dân 2 miền Nam – Bắc là gì?

A. giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. mong muốn có một chính phủ thống nhất.

C. tiến hành CMXHCN trên cả nước.

D. gia nhập các tổ chức quốc tế.

Câu 11. Hãy sắp xếp sự kiện sau theo trình tự thời gian: 1. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng; 2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước; 3. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên; 4. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước.

A. 1,3,2,4.

B. 1,2,3,4.

C. 1,2,4,3.

D. 2,1,3,4.

BÀI 25: VIỆT NAM XÂY DỰNG CNXH VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1986)

Câu 1. (NB) Trong những năm 1978 - 1979, với cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam, ta đạt kết quả nào sau đây?

A. Quét sạch quân xâm lược Pôn Pốt ra khỏi nước ta.

B. Kí hiệp định đình chiến với quân xâm lược Pôn Pốt.

C. Ta mất một số tỉnh ở Tây Nam Bộ.

D. Lực lượng quân đội hai bên phục viên tại chỗ.

Câu 2. (NB) Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để bảo vệ lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng xâm lược nào?

A. Quân xâm lược Mỹ, Pôn Pốt.

B. Tập đoàn Pôn Pốt, quân xâm lược Trung Quốc.

C. Quân xâm lược Pháp, Trung Quốc.

D. Quân xâm lược Nhật, Trung Quốc.

BÀI 26 – ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH (1985 – 2000)

Câu 1. (NB) Đại hội VI (12/1986) của Đảng đã xác định “Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ” nhưng trong đó, trọng tâm là gì?

A. Đổi mới về chính trị.

B. Đổi mới về kinh tế.

C. Đổi mới về kinh tế, chính trị.

D. Đổi mới về văn hóa, xã hội.

Câu 2. (NB) Mục tiêu của Ba chương trình kinh tế: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu được đề ra từ Đại hội Đảng nào?

A. Đại hội IV.

B. Đại hội V.

C. Đại hội VI.

D. Đại hội VII.

Câu 3. Trọng tâm đổi mới đất nước do Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam đề ra là gì?

A. Đổi mới nền kinh tế và Quốc phòng.

B. Đổi mới về kinh tế và văn hóa.

C. Đổi mới về kinh tế và chính trị.

D. Đổi mới về kinh tế và đối ngoại.

Câu 4. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI là gì?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển công nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hóa, điện đại hóa đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.
- C. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.**
- D. Khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đẩy mạnh cách mạng XHCN tiến lên.

Câu 5. Những mục tiêu kinh tế mà toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện trong kế hoạch 5 năm (1986-1990) là gì?

- A. Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.
- B. Công nghiệp, nông nghiệp và kinh tế đối ngoại.
- C. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.**
- D. Lương thực, thực phẩm

Câu 6. Khó khăn, yếu kém cản trở đường lối đổi mới được xem như “giặc nội xâm” là gì?

- A. Kinh tế mất cân đối, lạm phát ở mức độ cao.
- B. Lao động thiếu việc làm, hiệu quả nền kinh tế thấp.
- C. Đời sống của một bộ phận nhân dân khó khăn, văn hóa có những mặt xuống cấp.
- D. Tình trạng tham ô, tham nhũng, chưa được chặn đứng.**

BÀI 27: TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Đông Dương cộng sản liên đoàn được cải tổ từ tổ chức nào ?

- A. Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- B. Thanh niên cao vọng Đảng.
- C. Tân Việt Cách mạng Đảng.
- D. Việt Nam cách mạng đồng chí hội.

Câu 2. Tổ chức cách mạng nào dưới đây là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ?

- A. Hội Phục Việt.
- B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- C. Việt Nam nghĩa đoàn.
- D. Việt Nam cách mạng đồng chí hội.

Câu 3. Tên gọi chung của các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh ?

- A. Hội Độc lập.
- B. Hội giải phóng.
- C. Hội cứu quốc.
- D. Hội tự do.

Câu 4. Điền thêm thông tin còn thiếu trong câu nói của Hồ Chí Minh: "dù hy sinh tới đâu, dù đốt cháy cả cũng phải quyết tâm giành cho được ..."

- A. Dây Trường Sơn, tự do.
- B. Dây Hoàng Sơn, độc lập.
- C. Dây Trường Sơn, độc lập.
- D. Dây Hoàng Sơn, độc lập.

Câu 5. Hình thái vận động chủ yếu của cách mạng tháng Tám 1945 ?

- A. Giành chính quyền ở thành thị trước, sau đó giành chính quyền ở nông thôn.
- B. Giành chính quyền ở nông thôn và thành thị diễn ra đồng thời.
- C. Giành chính quyền ở thành thị thắng lợi đó làm cho hệ thống chính quyền ở nông thôn tự tan rã.
- D. Giành chính quyền ở nông thôn thắng lợi đó tạo đà tiến lên giành chính quyền ở thành thị nhanh chóng, ít tổn thất.

Xem thêm:

- **Bộ đề thi thử THPT QG 2020 môn Lịch sử**
- **Đề thi tham khảo THPTQG 2020 môn Lịch sử**

Câu 6. Đảng ta đã nhận định, khoảng thời gian nào là "thời cơ chín muồi" cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền bùng nổ và thắng lợi ?

- A. Từ khi Nhật đảo chính Pháp đến khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh.
- B. Từ khi Nhật đảo chính Pháp cho đến khi quân Đồng minh tiến vào nước ta.
- C. Từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh cho đến khi quân đội Đồng minh hoàn thành nhiệm vụ giải giáp phát xít.
- D. Từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh cho đến trước khi quân Đồng minh tiến vào nước ta.

Câu 7. Chủ trương giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong phạm vi mỗi nước ở Đông Dương được đưa ra tại hội nghị nào ?

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 .
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 2/1941 .
- C. Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản 2/1930.
- D. Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Câu 8. Tính chất của cuộc cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Tính chất dân tộc.
- B. Tính chất dân chủ.
- C. Tính chất dân chủ tư sản.
- D. Tính chất dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 9. Hình thức đấu tranh mới xuất hiện trong phong trào cách mạng 1936 – 1939?

- A. Đấu tranh báo chí, bút chiến trên diễn đàn văn học - nghệ thuật.
- B. Đấu tranh trên nghị trường.
- C. Đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ.
- D. Bãi công kết hợp với lãn công.

Câu 10. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954 ?

- A. Kháng chiến chống Pháp xâm lược.
- B. Đấu tranh chống phong kiến phản động.
- C. Kháng chiến chống Pháp xâm lược và bọn phản động tay sai bán nước.
- D. Kháng chiến chống xâm lược và xây dựng đất nước.

Câu 11. Chiến lược " Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ ở miền Nam phá sản hoàn toàn khi nào ?

- A. 1972 – ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược ở Quảng Trị.
- B. 1973 – ta và Mĩ ký Hiệp định Pari.
- C. 1974 – Miền Bắc hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh phá hoại lần 2
- D. 1975 – Ta hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 12. Giai đoạn nào của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) được gọi là cuộc chiến vòng vây ?

- A. Từ 1945 đến 1951
- B. Từ 1945 đến 1950

C. Từ 1946 đến 1951

D. Từ 1946 đến 1950

Câu 13. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" bước đầu bị phá sản khi nào ?

A. 1970 – quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam – pu – chia đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân Sài Gòn.

B. 1971 – ta đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mĩ - nguy.

C. 1972 – ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam với hai hướng chính là Quảng Trị và Tây Nguyên.

D. 1973 – Ta và Mĩ ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 14. Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc ta là 1 cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc mang tính thời đại sâu sắc?

A. Vì đây là cuộc chiến tranh giữa một dân tộc nhỏ yếu với một siêu cường số 1 thế giới.

B. Vì đây là cuộc chiến đấu vì 4 mục tiêu của thời đại: Hoà bình - độc lập dân tộc - dân chủ và tiến bộ xã hội.

C. Vì đây là cuộc chiến tranh ý thức hệ.

D. Vì Việt Nam là nơi tập trung mâu thuẫn cơ bản của thế giới, nơi trung tâm đối phó của chiến lược toàn cầu của Mĩ.

Câu 15. Tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954?

A. Tính chính nghĩa

B. Tính chất giải phóng

C. Tính chất bảo vệ Tổ quốc

D. Tất cả các ý trên

Câu 16. Trong kháng chiến chống Mĩ, vùng đất nào là tiền phương của miền Bắc, hậu phương trực tiếp của miền Nam?

A. Quảng Trị - Quảng Bình

B. Quảng Bình

C. Vĩnh Linh - Quảng Bình

D. Quảng Trị

Câu 17. Điểm giống nhau về nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ và Hiệp định Pari?

A. Cả hai đều quy định việc tập kết, chuyển quân giữa hai bên tham gia chiến tranh.

B. Cả hai đều khẳng định Việt Nam sẽ thống nhất đất nước bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do.

C. Cả hai đều đưa đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

D. Cả hai đều quy định việc rút quân của quân đội các nước đế quốc xâm lược trong vòng 2 năm.

Câu 18. Điền thêm thông tin còn thiếu trong nhận định sau: “Từ năm 1954 - 1975 cách mạng miền Nam đã trải qua ... thời kì, lần lượt đánh bại .. chiến lược chiến tranh của Mĩ ?

A. 5; 5;

B. 4; 3

C. 5; 4

D. 4; 4

Câu 19. Điền thêm thông tin còn thiếu trong nhận định sau: “Từ 1954 - 1975, đất nước ta tạm thời chia thành ... , đồng thời tiến hành ... cách mạng, dưới sự lãnh đạo của ... thống nhất”

A. 2 miền; 1 chiến lược; 1 Đảng

B. 2 miền; 2 chiến lược; 1 Chính phủ

C. 2 miền; 2 chiến lược; 1 Đảng

D. 2 miền; 1 chiến lược; 1 Chính phủ

Câu 20. Trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), Đảng ta đã tiến hành mấy kì Đại hội Đảng ?

- A. 2
- B. 3
- C. 1
- D. 4

Câu 21. Vì sao nói đổi mới đất nước là một tất yếu khách quan?

- A. Đổi mới là yêu cầu thường xuyên của cách mạng.
- B. Đất nước ta đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.
- C. Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến lớn, đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đó có tác động sâu sắc đến mọi quốc gia trên thế giới.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 22. Đường lối đổi mới đất nước được đưa ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mấy của Đảng?

- A. Đại hội IV
- B. Đại hội V
- C. Đại hội VI
- D. Đại hội VII

Câu 23. Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam là đại hội của:

- A. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Xây dựng và phát triển kinh tế.
- C. Công cuộc đổi mới đất nước.
- D. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Câu 24. Mục tiêu của Ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào của Đảng?

- A. Đại hội IV.
- B. Đại hội V.
- C. Đại hội VI.
- D. Đại hội VII.

Câu 25. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- D. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

Câu 26. Điền những từ thích hợp vào câu sau đây: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là:

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
- C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
- D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 27. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

- A. Thực hiện được Ba chương trình kinh tế.
- B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
- C. Kiểm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 28. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện

A. Đất nước đã hoà bình.

B. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.

C. Đất nước độc lập, thống nhất.

D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 29. Từ sau 30 - 4 - 1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

A. Quân xâm lược Mỹ.

B. Tập đoàn Pôn Pốt (Campuchia).

C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của Trung Quốc.

D. Câu B và C đúng.

Câu 30. Hoàn cảnh nào đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.

B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 31. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì Đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV; Đại hội V; Đại hội VI.

B. Đại hội V; Đại hội VI; Đại hội VII.

C. Đại hội VI; Đại hội VII; Đại hội VIII.

D. Đại hội VII; Đại hội VIII; Đại hội IX.

Câu 32. Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào là đúng?

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

B. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

D. B và C đúng.

Câu 33. Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam họp từ trong khoảng thời gian

A. Từ 15 đến 18 - 12 - 1985

B. Từ 10 đến 18 - 12 - 1985

C. Từ 15 đến 18-12-1986

D. Từ 20 đến 25-12-1986

Câu 34. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI.

A. Đổi mới về kinh tế.

B. Đổi mới về chính trị.

C. Đổi mới về văn hoá.

D. Đổi mới về kinh tế- xã hội.

Câu 35. Đại hội Đảng VI đã xác định quan điểm đổi mới với Đảng Cộng sản Việt Nam là đổi mới toàn diện và đồng bộ. Nhưng quan trọng nhất là gì ?

A. Đổi mới về chính trị.

B. Đổi mới về kinh tế và chính trị.

C. Đổi mới về kinh tế.

D. Đổi mới về văn hoá.

Câu 36. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là:

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- D. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 37. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện một cách có hiệu quả.
- C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
- D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 38. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

- A. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế.
- B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
- C. Kiểm chế được lạm phát.
- D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 39. Mục tiêu của 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986- 1990) lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong:

- A. Đại hội Đảng lần IV.
- B. Đại hội Đảng lần V.
- C. Đại hội Đảng lần VI.
- D. Đại hội Đảng lần VII.

Câu 40. Trong số 3 chương trình kinh tế của Kế hoạch 5 năm (1986 – 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?

- A. Lương thực, thực phẩm.
- B. Hàng xuất khẩu.
- C. Hàng tiêu dùng.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 41. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.
- B. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- D. Mâu thuẫn giữa công nhân Việt Nam đế quốc Pháp.

Câu 42. So với phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 thì phong trào thì phong trào công nhân trong những năm 1926 – 1929 có những điểm nào tiến bộ ?

- A. Đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm.
- B. Đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.
- C. Đấu tranh đòi tất cả các quyền lợi về kinh tế.
- D. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế kết hợp đòi quyền lợi về chính trị.

Câu 43. Trong những năm 1919 – 1925, có sự kiện lịch sử tiêu biểu nào gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ?

- A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến cách mạng tháng 10 Nga.
- B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác Lênin tìm con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa ra yêu sách đến Hội nghị Vecsai.

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 44. Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng ra đời từ các tổ chức chính trị nào ?

A. Việt Nam quốc dân đảng.

B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

C. Tân Việt cách mạng Đảng.

D. Cả 3 tổ chức trên.

Câu 45. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô ?

A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

D. Viết "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 46. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 – 1920 là gì ?

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 47. Chọn câu đúng để điền vào chỗ trống câu sau đây: "Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác".

A. Con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Con đường cách mạng dân chủ tư sản.

C. Con đường cách mạng vô sản.

D. Con đường cách mạng thuộc địa.

Câu 48. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào có liên hệ trực tiếp đến việc Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.

B. Nguyễn Ái Quốc viết Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

C. Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị ba tổ chức cộng sản.

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 49. Nội dung nào dưới đây không thuộc Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

B. Cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và Cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

C. Lực lượng cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân.

D. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 50. Vấn đề khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 là gì?

A. Về con đường cách mạng Việt Nam.

B. Về nhiệm vụ và lực lượng cách mạng Việt Nam.

C. Về vị trí của cách mạng Việt Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 51. Các tổ chức chính trị sau đây, tổ chức nào theo khuynh hướng vô sản?

A. Hội Phục Việt.

B. Việt Nam Quốc dân đảng.

C. Đảng Lập hiến.

D. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

Câu 52. Vì sao cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản?

- A. Đường lối cứu nước của giai cấp phong kiến và tư sản đã lỗi thời, lạc hậu.
- B. Giai cấp vô sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến.
- C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 53. Tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc?

- A. "Người cùng khổ"
- B. "Bản án chế độ thực dân Pháp"
- C. "Đường Kách mệnh"
- D. Tất cả các tác phẩm trên

Câu 54. Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

- A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công - nông.
- B. Tập hợp đông đảo quần chúng thành lập đội quân chính trị.
- C. Đảng kiên định trong đấu tranh.
- D. Tất cả cùng đúng.

Câu 55. Hạn chế về lực lượng cách mạng mà Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 đã nêu ra được sửa chữa trong thời kì cách mạng:

- A. 1930 - 1931.
- B. 1932 - 1935.
- C. 1936 - 1939.
- D. 1939- 1945.

Câu 56. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được thể hiện như thế nào?

- A. Phong trào thực hiện sự liên minh công - nông vững chắc.
- B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.
- C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.
- D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 57. Điểm hạn chế về nhiệm vụ cách mạng của Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 được sửa chữa trong thời kì nào?

- A. 1930 - 1931.
- B. 1936 - 1939.
- C. 1939 - 1941.
- D. 1941 - 1945.

Câu 58. So với thời kì 1930 - 1931, kẻ thù trong thời kì cách mạng 1936 - 1939 chủ yếu, trước mắt là bọn nào?

- A. Thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
- B. Thực dân Pháp và phát xít Nhật.
- C. Thực dân Pháp là kẻ thù chủ yếu, trước mắt.
- D. Bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai của chúng.

Câu 59. Công tác mặt trận được xây dựng trong thời kì cách mạng 1930 - 1931 gọi tên là gì?

- A. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- C. Hội phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 60. Trong các mặt trận sau đây, mặt trận nào thực hiện vai trò tập hợp quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ?

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
- D. Tất cả các mặt trận trên.

Câu 61. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1930 - 1931 là

- A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.
- B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.
- C. Chống đế quốc và phát xít Pháp - Nhật đòi độc lập cho dân tộc.
- D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

Câu 62. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1936 - 1939 là gì?

- A. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- B. Đòi các quyền tự do dân chủ.
- C. Giải phóng dân tộc là mục tiêu hàng đầu.
- D. Tất cả các mục tiêu trên.

Câu 63. Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách hơn bao giờ hết. Đó là nhiệm vụ cách mạng trong thời kì nào?

- A. 1930 - 1931.
- B. 1936 - 1939.
- C. 1939- 1941.
- D. 1941 - 1945.

Câu 64. Mặt trận Việt Minh ra đời trong sự kiện lịch sử nào dưới đây?

- A. Hội nghị lần thứ 6 của Đảng (11 - 1939).
- B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13 đến 15 - 8 - 1945).
- C. Đại hội quốc dân Tân Trào - Tuyên Quang (16 đến 18 - 8 - 1945).
- D. Hội nghị lần thứ 8 của Đảng (10 đến 19-5-1941).

Câu 65. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được Đảng ta đề ra trong thời điểm lịch sử nào?

- A. Đêm 09 - 3 - 1945.
- B. Ngày 12 - 3 - 1945.
- C. Ngày 14 - 8 - 1945.
- D. Ngày 19- 8 - 1945.

Câu 66. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được xác định vào thời điểm lịch sử nào?

- A. 09- 3 - 1945.
- B. 12 - 8 - 1945.
- C. 15 - 8 - 1945.
- D. 16 - 8 - 1945.

Câu 67. Sự kiện nào trong Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động tạo thời cơ khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám giành chính quyền nhanh chóng và ít đổ máu?

- A. 19 - 5 - 1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức.
- B. 08 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông Nhật.
- C. 14 - 8 - 1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.
- D. 15 - 8 - 1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 68. Sự kiện lịch sử nào dưới đây nằm trong Cao trào kháng Nhật cứu nước?

- A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11 - 3 - 1945)
- B. Phả kho thóc Nhật để giải quyết nạn đói.

C. Khởi nghĩa Nam Kỳ (23 - 11 - 1940).

D. Câu A và B đúng.

Câu 69. Ngày 30 - 8 - 1945 ghi dấu sự kiện lịch sử nào trong Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

D. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.

Câu 70. Nguyên nhân quyết định nhất của thắng lợi Cách mạng tháng Tám là:

A. Phát xít Nhật bị Đồng Minh đánh bại.

B. Sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Hồ Chủ tịch.

C. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 71. Tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được khai sinh trong thời điểm lịch sử nào?

A. Trong Hội nghị toàn quốc (13 đến 15 - 8 - 1945).

B. Trong khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

C. Trong Đại hội Quốc dân Tân Trào (16 đến 18 - 8 - 1945).

D. Trong Tuyên ngôn độc lập (2 - 9 - 1945).

Câu 72. Nội dung nào dưới đây khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta trên phương diện pháp lý và thực tiễn?

A. Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực Pháp hơn 80 năm nay... dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập.

B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thật sự đã trở thành một nước tự do, độc lập.

C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

D. Tất cả các nội dung trên.

Câu 73. "Hỡi quốc dân đồng bào! Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục..." Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám.

A. Thời cơ khách quan thuận lợi.

B. Thời cơ chủ quan thuận lợi.

C. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

D. Thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

Câu 74. Âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950.

C. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 75. Phái đoàn của ta do Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Giơ-ne-vơ vào ngày:

A. 26-4-1954

B. 7-5-1954

C. 8-5-1954

D. 21-7-1954

Câu 76. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do. Đó là nội dung cơ bản của:

A. Hiệp định Giơ-ne-vơ (21 - 7 - 1954).

B. Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946).

C. Tạm ước 14 - 9 - 1946.

D. Cả ba văn kiện trên.

Câu 77. Tướng nào của Pháp thực hiện kế hoạch đánh lên Việt Bắc lần thứ hai?

A. Bô-la-éc.

B. Rơ-ve.

C. Đờ-Lát-dơ-Tát-xi-nhi.

D. Đắc-giăng-liơ.

Câu 78. Với chiến thắng trong phong trào của quân dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ?

A. "Chiến tranh đơn phương".

B. "Chiến tranh đặc biệt".

C. "Chiến tranh cục bộ".

D. "Việt Nam hoá" chiến tranh.

Câu 79. Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã sử dụng lực lượng nào là chủ yếu?

A. Lực lượng quân đội Sài Gòn.

B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

C. Lực lượng quân Mĩ và đồng minh.

D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 80. Chiến thắng Bình Giã (12 - 1964) đã góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. "Chiến tranh đơn phương"

B. "Chiến tranh đặc biệt"

C. "Chiến tranh cục bộ"

D. "Việt Nam hóa" chiến tranh

Câu 81. Đế quốc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào khoảng thời gian

A. 1960 - 1964.

B. 1965 - 1968.

C. 1969 - 1973.

D. 1965 - 1969.

Câu 82. Loại hình chiến tranh nào ở Việt Nam được tiến hành bởi hai đời tổng thống Mĩ?

A. "Chiến tranh đơn phương".

B. "Chiến tranh đặc biệt".

C. "Chiến tranh cục bộ".

D. "Việt Nam hoá" chiến tranh.

Câu 83. Tổng thống nào của Mĩ gắn với sự sụp đổ của chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm ?

A. Ken nơ đi.

B. Giôn xon.

C. Ních xon.

D. Các-tơ.

Câu 84. Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm vào thời gian nào? Ở đâu?

A. 11 - 5 - 1963. Ở Hà Nội.

B. 11 - 7 - 1963. Ở Huế.

C. 11 - 6- 1963. Ở Sài Gòn.

D. 1 - 11 - 1963. Ở Đà Nẵng.

Câu 85. Chiến thắng lớn nhất thể hiện tình đoàn kết keo sơn chiến đấu của nhân dân Việt - Lào trong những năm 1969 - 1972 là:

- A. Chiến thắng tại cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, Lào.
- B. Chiến thắng trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại đường 9 - Nam Lào.
- C. Chiến thắng ở Thà Khẹt.
- D. Chiến dịch giải phóng Cao nguyên Boloven

Câu 86. Quá trình diễn biến của Hội nghị Pa-ri gắn với đời tổng thống nào của Mỹ?

- A. Ken nơ đi, Ních xon.
- B. Giôn xon, Ních xon.
- C. Ních xon, Pho.
- D. Giôn xon, Ních xon, Pho.

Câu 87. Hội nghị Pa-ri diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 5 - 1968 đến 27 - 1 - 1973.
- B. Cuối năm 1969 đến đầu 1973.
- C. 12 - 1972 đến 27 - 1 - 1973.
- D. 1970 đến 1973.

Câu 88. Để ép ta nhân nhượng, kí một hiệp định do Mỹ soạn ra, Ních xon đã cho máy bay B52 đánh vào những địa danh nào trong 12 ngày đêm cuối năm 1972?

- A. Hà Nội, Nam Định.
- B. Hà Nội, Hải Phòng.
- C. Hà Nội, Thanh Hoá.
- D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 89. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?

- A. Chiến thắng Phước Long.
- B. Chiến thắng Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng ở Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến thắng Quảng Trị.

Câu 90. "Phải tập trung nhanh nhất binh khí kĩ thuật để giải phóng miền Nam trước mùa mưa". Chủ trương này ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

- A. Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.
- B. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang sôi động.
- C. Ta chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh đang tiếp diễn.

Câu 91. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc bao nhiêu năm chiến tranh giải phóng dân tộc?

- A. 21 năm.
- B. 30 năm.
- C. 15 năm.
- D. 20 năm.

Câu 92. Ngày 20 - 9 - 1977, diễn ra sự kiện gì gắn với nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáng ghi nhớ ?

- A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- B. Việt Nam hoàn thành công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa.
- C. Việt Nam gia nhập khối ASEAN.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 93. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua trong thời điểm nào?

- A. Năm 1946.
- B. Năm 1959.
- C. Năm 1979.
- D Năm 1980.

Câu 94. Ngày 7 – 11 - 2007, diễn ra sự kiện gì gắn với sự phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam ?

- A. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- B. Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO.
- C. Việt Nam gia nhập khối ASEAN.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM SỬ 12 BÀI 27

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	26	B	51	D	76	B
2	B	27	D	52	D	77	A
3	C	28	C	53	C	78	A
4	C	29	D	54	A	79	A
5	B	30	D	55	C	80	B
6	D	31	D	56	D	81	B
7	B	32	D	57	B	82	B
8	D	33	C	58	D	83	A
9	B	34	D	59	C	84	C
10	C	35	C	60	B	85	B
11	B	36	D	61	A	86	B
12	D	37	B	62	B	87	A
13	C	38	D	63	D	88	B
14	D	39	C	64	D	89	B
15	D	40	A	65	B	90	C
16	C	41	A	66	C	91	B
17	C	42	D	67	D	92	A
18	C	43	B	68	D	93	D
19	C	44	B	69	C	94	B
20	A	45	A	70	B	95	

21	D	46	A	71	D	96	
22	C	47	C	72	B	97	
23	C	48	B	73	A	98	
24	C	49	B	74	A	99	
25	D	50	B	75	C	100	

II. PHẦN TỰ LUẬN.

1. Trình bày âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong các chiến lược chiến tranh Đặc biệt, cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh?
2. Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari?
3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975)?
4. Vì sao sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ phải thống nhất đất nước về mặt nhà nước? Ý nghĩa lịch sử của việc thống nhất đất nước?
5. Căn cứ vào điều kiện lịch sử nào để Bộ chính trị trung Ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam? Trình bày chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam?

ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 1

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nét nổi bật của tình hình Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được kí kết là gì?

- A. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền.**
- B. Cả nước đã hoàn thành cách mạng ruộng đất.
- C. Cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Đất nước đã được thống nhất về lãnh thổ.

Câu 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) đã xác định cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò nào sau đây với sự phát triển của cách mạng cả nước?

- A. Vai trò quyết định gián tiếp.
- B. Vai trò hỗ trợ và tạo điều kiện.
- C. Vai trò quyết định nhất.**
- D. Vai trò quyết định trực tiếp.

Câu 3. “Áp chiến lược” được coi là “xương sống” của chiến lược chiến tranh nào sau đây?

- A. “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968).
- B. “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973).
- C. “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965).**
- D. “Đông Dương hóa chiến tranh” (1969 - 1973).

Câu 4. Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến nào sau đây của Mỹ và chính quyền Sài Gòn?

- A. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam bộ.**
- B. Tây Nam bộ, Phước Long, Quảng Ngãi.
- C. Nam Trung bộ, Phước Long, Xuân Lộc.
- D. Phước Long, Xuân Lộc, Phan Rang.

Câu 5. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), năm 1973 nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Thắng lợi của trận “Điện Biên Phủ trên không” 1972.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh 4-1975.

D. Hiệp định Pari được kí kết 1-1973.

Câu 6. Năm 1969, sự kiện lịch sử nào sau đây đánh dấu sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập.

B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam dự Hội nghị Pa-ri.

C. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí kết.

D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương được tổ chức.

Câu 7. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện lịch sử nào sau đây?

A. Chính quyền và quân đội Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng, suy yếu.

B. Cách mạng miền Nam bắt đầu chuyển sang thế tiến công.

C. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

D. Chính quyền và quân đội Sài Gòn đã đầu hàng hoàn toàn.

Câu 8. Nội dung nào sau đây là phương châm tác chiến của quân dân Việt Nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975)?

A. “tiên ăn chắc, đánh ăn chắc”.

B. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

C. “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

D. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là đặc điểm của tình hình Việt Nam ngay sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Miền Bắc đã hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. Miền Bắc đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Việt Nam chưa hoàn thành thống nhất về mặt lãnh thổ.

D. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là một trong những khó khăn về kinh tế của miền Nam ngay sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phân tán.

B. Quá trình công nghiệp hóa bắt đầu được thực hiện.

C. Quá trình hiện đại hóa bắt đầu được thực hiện.

D. Số người không biết chữ chiếm tỉ lệ cao.

Câu 11. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ nào sau đây?

A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Tổ chức hiệp thương chính trị để thống nhất đất nước.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Câu 12. Thẻ thức Quốc kì, Quốc huy của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được chính thức thông qua tại sự kiện chính trị nào sau đây?

A. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương (9-1975).

B. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (7-1976).

Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

Câu 13. Trong những năm 1975-1979, quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam đã thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây? A. Giúp đỡ nhân dân Lào kháng chiến chống Mỹ.

B. Đấu tranh thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

C. Đấu tranh để bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc.

D. Chi viện cho miền Nam kháng chiến chống Mỹ.

Câu 14. Trong những năm 1975-1979, quân đội Việt Nam đã phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia thực hiện nhiệm vụ nào sau đây? A. Bảo vệ biên giới phía Bắc Việt Nam.

B. Giúp đỡ nhân dân Lào kháng chiến chống Mỹ.

C. Xây dựng hành lang chiến lược Đông - Tây.

D. Xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu Việt Nam đạt được trong mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986)?

A. Đạt được tất cả các mục tiêu của ba chương trình kinh tế.

B. Đáp ứng nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc kháng chiến.

C. Xây dựng được cơ sở của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp có bước phát triển.

Câu 16. Một trong những khó khăn, hạn chế của Việt Nam sau mười năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986) là gì?

A. Kinh tế miền Nam lệ thuộc hoàn toàn vào viện trợ của Mỹ.

B. Đất nước vẫn chưa được thống nhất về mặt lãnh thổ.

C. Nền kinh tế mất cân đối lớn, thu nhập quốc dân thấp.

D. Chưa được các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 17. Thắng lợi quân sự nào dưới đây chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ? A. Chiến thắng Vạn Tường.

B. Chiến thắng Đồng Xoài.

C. Chiến thắng Ấp Bắc.

D. Chiến thắng Phước Long.

Câu 18. Trong những năm 1965-1968, chiến thắng nào sau đây của quân dân miền Nam Việt Nam đã mở đầu cao trào “*Tìm Mĩ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt*” trên khắp miền Nam?

A. Ấp Bắc.

B. Vạn Tường.

C. Bình giã.

D. Đồng Xoài.

Câu 19. Lĩnh vực nào sau đây được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986)?

A. Kinh tế.

B. Chính trị

C. Văn hóa.

D. Xã hội.

Câu 20. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân là chủ trương đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Chính trị.

B. Kinh tế.

C. Văn hóa.

D. Xã hội.

Câu 21. Sự kiện nào sau đây đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam?

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (2-1930)

Nguyễn Ái Quốc về nước lãnh đạo cách mạng (1941)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954

Câu 22. Sự kiện lịch sử nào sau đây đã mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do đưa nhân dân lao động lên nắm chính quyền ở Việt Nam?

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công

B. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930

C. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi năm 1954

D. Kháng chiến chống Mĩ thắng lợi năm 1975

Câu 23. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam?

A. Lực lượng quân sự chính quy tinh nhuệ và hùng hậu

Sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa

Quân đội Pháp khủng hoảng, suy yếu và tan rã

Có sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn

Câu 24. Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại ở thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Nhận định trên nói về thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam?

A. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

B. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945

C. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

D. Thắng lợi trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 25. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong những năm 1945-1954 là gì?

A. Khôi phục kinh tế

B. Đổi mới đất nước

C. Kháng chiến, kiến quốc

D. Kháng chiến chống Mỹ

Câu 26. Vì sao cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân dân Việt Nam lại bắt đầu từ chiến trường Tây Nguyên?

A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược, then chốt

B. Tây Nguyên thuận tiện cho tiếp tế, hậu cần

C. Lực lượng địch ở Tây Nguyên rất đông

D. Lực lượng của ta mạnh nhất ở Tây Nguyên

Câu 27. Đại hội nào dưới đây của Đảng Cộng sản đã mở đầu công cuộc đổi mới đất nước của Việt Nam?

A. Đại hội V (1982).

B. Đại hội VII (1991).

C. Đại hội VI (1986).

D. Đại hội VIII (1996).

Câu 28. Việt Nam thực hiện Đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12 - 1986) trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội.

B. Chưa được các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao.

C. Đất nước vẫn chưa được thống nhất về mặt lãnh thổ.

D. Cả nước đang đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam.

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Phân tích những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu 2 (1 điểm)

Em hãy nêu các vai trò của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

ĐỀ 2:

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1. (NB) Đặc điểm nổi bật của tình hình Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là gì?

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trên phạm vi cả nước.
- B. Mỹ thay chân Pháp xâm lược Việt Nam.
- C. Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành 2 miền với 2 chế độ chính trị khác nhau.
- D. Cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 2. (NB) Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) chủ trương tiến hành đồng thời các nhiệm vụ nào sau đây?

- A. cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.
- B. cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam và cách mạng ruộng đất ở miền Bắc.
- C. cách mạng DTDCND ở miền Bắc và cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam.
- D. cách mạng ruộng đất ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

Câu 3. (NB) Xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là gì?

- A. Quân đội Việt Nam Cộng hòa.
- B. Cố vấn Mỹ.
- C. Phương tiện chiến tranh của Mỹ.
- D. Áp chiến lược.

Câu 4. (TH) Tại sao cách mạng hai miền Nam - Bắc lại có quan hệ mật thiết, gắn bó, tác động lẫn nhau?

- A. Điều do một Đảng lãnh đạo.
- B. Điều dựa trên nòng cốt của khối liên minh công- nông.
- C. Điều dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin.
- D. Điều chung mục tiêu chiến lược.

Câu 5. (NB) Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” (1965-1968) được coi là Ấp Bắc đối với quân Mỹ?

- A. Chiến thắng Núi Thành (1965)
- B. Chiến thắng Vạn Tường (1965).
- C. Thắng lợi của cuộc phản công trong 2 mùa khô 1965-1966 và 1966-1967.
- D. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 6. (NB) Cuộc tiến công nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu thân 1968.
- B. Cuộc phản công Lam Sơn 719 năm 1971.
- C. Tiến công chiến lược năm 1972.
- D. Điện Biên Phủ trên không năm 1972.

Câu 7. (TH) Sau thắng lợi nào của ta đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”?

- A. Đại thắng mùa Xuân 1975.
- B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Hiệp định Paris được ký kết 1973.
- D. Chiến thắng Phước Long đầu năm 1975.

Câu 8. (TH) Âm mưu của Mỹ khi thực hiện “Chiến tranh cục bộ” là nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực, hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta, giành thế chủ động trên chiến trường để làm gì?

- A. “dùng người Việt đánh người Việt”.
- B. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
- C. đẩy quân ta về thế phòng ngự bị động.
- D. nhanh chóng giành thắng lợi quyết định và kết thúc chiến tranh.

Câu 9. (TH) Tại sao cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 lại mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ.
- B. Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược.
- C. Buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- D. Buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đến đàm phán ở Pari.

Câu 10. (NB) Cơ sở nào để Bộ chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 - 1976?

- A. Sự suy yếu của chính quyền Sài Gòn.
- B. Sự lớn mạnh của quân Giải phóng miền Nam.
- C. Khả năng quay trở lại hạn chế của Mỹ.
- D. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

Câu 11. (NB) Trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân 1975, chiến dịch nào đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

- A. Chiến thắng Phước Long.
- B. Chiến dịch Tây Nguyên.
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 12. (NB) Sau năm 1975 tình hình miền Nam có điểm gì nổi bật?

- A. Tàn dư của chiến tranh, chế độ thực dân mới còn tồn tại nặng nề.
- B. Tàn dư của chế độ thực dân cũ còn nặng nề, công nhân thất nghiệp.
- C. Chính quyền cũ chỉ mới bị xóa bỏ ở các trung tâm thành phố.
- D. Lực lượng tay sai chống phá cách mạng vẫn liên tục gây bạo loạn.

Câu 13. (NB) Quốc hội nước Việt Nam thống nhất ra đời sau cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25 - 4 - 1976) là Quốc hội khoá mấy?

- A. Khoá IV.
- B. Khoá V.
- C. Khoá VI.
- D. Khoá VII.

Câu 14. (NB) Nội dung cơ bản của Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (9-1975) là

- A. Nhất trí chủ trương thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Chuẩn bị kế hoạch tổng tuyển cử trong cả nước.
- D. Chuẩn bị nội dung cơ bản cho kì họp Quốc hội khóa mới.

Câu 15. (NB) Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất quyết định tên nước là

- A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B. Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
- C. Việt Nam Cộng hòa.
- D. Việt Nam Độc lập đồng minh.

Câu 16. (NB) Đến trước khi công cuộc đổi mới đất nước được tiến hành (1986), tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam có đặc điểm gì?

- A. Khủng hoảng trầm trọng.
- B. Phát triển nhanh.
- C. Phát triển không ổn định.
- D. Chậm phát triển.

Câu 17. (NB) Trọng tâm của công cuộc đổi mới ở Việt Nam được xác định tại Đại hội Đảng lần thứ VI (12-1986) thuộc lĩnh vực nào?

- A. Chính trị.
- B. Kinh tế.
- C. Văn hoá.
- D. Xã hội.

Câu 18. (TH) Mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ đại hội đảng VI (2-1986) là

- A. Đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
- B. Hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.
- C. Hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh.

Câu 19. (TH) Tính chất nền kinh tế Việt Nam trước khi tiến hành công cuộc đổi mới (12-1986) là

- A. Nông nghiệp thuần túy.
- B. Tập trung, quan liêu, bao cấp.
- C. Thị trường.
- D. Công- thương nghiệp hàng hóa.

Câu 20. (TH) “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, đó là tinh thần và khí thế của quân và dân ta trong chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Tây Nguyên.
- B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 21. (TH) Đâu không phải là lý do để Bộ chính trị quyết định chọn Tây Nguyên hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?

- A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược cả ta và địch đều cố nắm giữ.
- B. Cơ sở quần chúng của ta ở Tây Nguyên vững chắc.
- C. Do sự bố phòng sơ hở của quân đội Sài Gòn.
- D. Do Tây Nguyên là căn cứ quân sự lớn nhất và là điểm yếu nhất của quân đội Sài Gòn.

Câu 22. (TH) Sự thay đổi chiến lược đột ngột của kế hoạch Nava được đánh dấu bằng hoạt động nào?

- A. Tăng cường lực lượng cho căn cứ Xê nô.
- B. Tăng cường lực lượng cho căn cứ Luông Phabang.

C. Tăng cường lực lượng cho căn cứ Plâyku.

D. Tăng cường lực lượng cho căn cứ Điện Biên Phủ.

Câu 23. (TH) Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945) đánh dấu:

A. Những tàn dư của chế độ phong kiến ở Việt Nam đã bị xóa bỏ.

B. Cách mạng Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

C. Thắng lợi hoàn toàn của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 24. (TH) Nguyên nhân khách quan nào đưa tới thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất.

B. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Đông Dương.

C. Sự chuẩn bị chu đáo trong suốt 15 năm của Đảng cộng sản Đông Dương và nhân dân.

D. Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít.

Câu 25. (TH) Sự kiện nào đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam hoàn toàn chuyển sang đấu tranh tự giác?

A. Sự thành lập Công hội năm 1920.

B. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8-1925.

C. Phong trào vô sản hóa cuối năm 1928.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập đầu năm 1930.

Câu 26. (TH) Tác phẩm lý luận đầu tiên vạch ra phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là

A. Bản án chế độ thực dân Pháp.

B. Đường Kách mệnh.

C. Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.

D. Luận cương chính trị.

Câu 27. (NB) Từ năm 1975 đến năm 2000, nhân dân ta đã phải tiến hành những cuộc chiến tranh vệ quốc bảo vệ biên giới và hải đảo nào?

A. Chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1978) và chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979).

B. Chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1978) và chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1988).

C. Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) và chiến tranh hải đảo (1988).

D. Chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1978) và chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) và bảo vệ hải đảo (1988).

Câu 28. (NB) Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pốt - Iêng-xê-ri.

C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia.

II. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm) Nêu đặc điểm tình hình hai miền Nam – Bắc nước ta sau đại thắng mùa xuân năm 1975?

Câu 2. (1 điểm) Qua hơn 30 năm đổi mới đất nước (từ tháng 12.1986) bài học nào được rút ra cho công cuộc xây dựng đổi mới đất nước hiện nay?

ĐỀ 3

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1(NB): Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, tình hình nước ta có đặc điểm nổi bật gì?

A. Mỹ thay chân Pháp, thành lập chính quyền tay sai ở miền Nam.

B. Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ.

C. Miền Bắc được giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. Đất nước bị chia cắt thành 2 miền, với 2 chế độ chính trị-xã hội khác nhau.

Câu 2(NB): Trong những năm 1959 – 1960, phong trào “Đồng khởi” đã nổ ra đầu tiên ở địa phương nào?

A. Bến Tre. **B. Bình Định, Ninh Thuận.** C. Quảng Ngãi. D. Tây Ninh.

Câu 3 (NB): Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã bầu ai làm Bí thư thứ nhất?

A. Hồ Chí Minh. **B. Lê Duẩn.** C. Trường Chinh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 4 (TH): Nội dung nào sau đây thể hiện đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo của Đảng trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) ?

A. Xác định vai trò quyết định của miền Bắc đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.

B. Xác định vai trò quyết định của miền Nam đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

C. Tiến hành đồng thời cả 2 nhiệm vụ cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng Dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam.

D. Khẳng định vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với cách mạng cả nước.

Câu 5 (NB): Mối sử dụng lực lượng quân đội nào là chủ yếu để thực hiện chiến lược Chiến tranh đặc biệt ở miền Nam Việt Nam?

A. Quân đội Sài Gòn.

B. Quân Mỹ.

C. Quân đồng minh của Mỹ.

D. Quân Mỹ và quân đồng minh Mỹ.

Câu 6 (NB): Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam là gì ?

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam.

B. "Dùng người Việt đánh người Việt".

C. Đưa quân Mỹ ào ạt vào miền Nam.

D. Đưa cố vấn Mỹ ào ạt vào miền Nam.

Câu 7 (TH): Phong trào thi đua nào diễn ra ở miền Nam Việt Nam trong thời kì chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Nắm lấy thất lưng địch mà đánh.

B. Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt.

C. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công.

D. Vành đai diệt Mỹ.

Câu 8 (TH): Nội dung nào dưới đây **không** phải là thủ đoạn của chính quyền và quân đội Sài Gòn trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt?

A. Tham gia vào các cuộc hành quân "tìm diệt" của quân viễn chinh Mỹ.

B. Thực hiện dồn dân lập "ấp chiến lược".

C. Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc.

D. Mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Câu 9 (TH): Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ?

A. Ấp Bắc.

B. Bình Giã.

C. Đồng Xoài.

D. Ba Gia.

Câu 10 (NB): Chiến thắng nào khẳng định quân dân miền Nam có thể đánh bại quân chủ lực Mỹ trong "Chiến tranh cục bộ" ?

A. Chiến thắng Núi Thành.

B. Chiến thắng Vạn Tường.

C. Chiến thắng mùa khô 1965 - 1966.

D. Chiến thắng mùa khô 1966 - 1967.

Câu 11 (NB): Trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" đế quốc Mỹ đã mở rộng phạm vi chiến tranh như thế nào?

A. Ra toàn miền Nam.

B. Ra cả miền Bắc.

C. Ra toàn Đông Dương.

D. Ra toàn miền Nam và Đông Dương.

Câu 12 (TH): Thắng lợi nào của quân dân miền Nam Việt Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố "phi Mỹ hóa" chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

C. Trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 13 (NB): Trong những năm 1969 – 1973, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 14 (TH): Nhân dân miền Nam giành được thắng lợi chính trị nào trong chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ?

A. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam ra đời.

B. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

C. Trung ương cục miền Nam được thành lập.

D. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 15 (NB): Cuối năm 1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào những địa điểm nào ở miền Bắc Việt Nam?

A. Hà Nội, Yên Bái.

B. Hà Nội, Hải Phòng.

C. Hòa Bình, Hải Phòng.

D. Hà Tây, Thái Nguyên.

Câu 16 (TH): Vì sao nói thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong việc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng đường không của đế quốc Mỹ (14/12-29/12/1972) là chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”?

A. Vì cuộc chiến đấu xảy ra trên bầu trời Điện Biên Phủ.

B. Vì máy bay bị bắn rơi nhiều nhất ở bầu trời Điện Biên Phủ.

C. Vì chiến dịch đánh trả máy bay mang tên “Điện Biên Phủ trên không”.

D. Vì chiến thắng này mang ý nghĩa như trận “Điện Biên Phủ”.

Câu 17 (NB): Hiệp định Pari thừa nhận điều gì?

A. Thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 2 vùng kiểm soát.

B. Thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

C. Thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

D. Thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

Câu 18 (TH): Hiệp định Pa – ri được kí kết có ý nghĩa gì đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ?

A. Đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "đánh cho ngụy nhào".

Câu 19 (NB): Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7/1973) xác định kẻ thù của cách mạng miền Nam là lực lượng nào?

A. Mĩ và đồng minh của Mĩ.

B. Đồng minh của Mĩ và Chính quyền Sài Gòn.

C. Đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

D. Chính quyền Sài Gòn.

Câu 20 (TH): Sự linh hoạt của Đảng trong chủ trương, kế hoạch giải phóng Miền Nam thể hiện ở điểm nào?

A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Năm 1976, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

C. Tranh thủ giải phóng miền Nam trong năm hai năm 1975 - 1976.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của.

Câu 21 (NB): Trong Chiến dịch Tây Nguyên (3/1975), Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chọn địa điểm nào đột phá để mở màn chiến dịch?

A. Gia Lai-Kon Tum.

B. Đắk Lắk

C. Plây cu.

D. Buôn Ma Thuật.

Câu 22 (NB): Thành phố nào là căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mỹ ngụy, là thành phố lớn thứ hai ở Miền Nam được giải phóng trong tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975?

A. Đà Nẵng

B. Huế

C. Sài Gòn

D. Phước Long

Câu 23 (NB): Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công những căn cứ phòng thủ trọng yếu nào của quân địch?

A. Phan Thiết, Xuân Lộc.

B. Xuân Lộc, Phan Rang.

C. Phan Rang, Phan Thiết.

D. Long Khánh, Ninh Thuận.

Câu 24 (NB): Tỉnh nào được giải phóng cuối cùng ở miền Nam năm 1975?

A. Cà Mau.

B. Rạch Giá.

C. Bạc Liêu.

D. Châu Đốc.

Câu 25 (TH): Trong thời kì 1954-1975, sự kiện nào đánh dấu cách mạng Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho ngụy nhào”?

A. Đại thắng mùa xuân 1975.

B. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết (1973).

C. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi Việt Nam (1973).

D. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (1972).

Câu 26 (TH): Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện thuận lợi nào?

A. Mĩ rút toàn bộ lực lượng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

B. Mĩ không còn viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

C. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

D. Miền Bắc hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 27 (NB): Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954 - 1975?

A. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

B. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.

C. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

D. Hậu phương miền Bắc lớn mạnh đã chi viện cho miền Nam.

Câu 28 (TH): Nhân tố nào xuyên suốt góp phần quan trọng vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam thời kì 1954-1975?

A. Tình đoàn kết của nhân dân 3 nước Đông Dương.

B. Sự giúp đỡ của các nước Xã hội chủ nghĩa.

C. Sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam.

D. Sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc.

A. PHÂN TỰ LUẬN (3 điểm):

Câu 1 (1,0 điểm): Sự kiện nào là mốc đánh dấu nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”? Nêu ý nghĩa của sự kiện đó.

Câu 2 (2,0 điểm): So sánh sự giống và khác nhau giữa hai chiến lược Chiến tranh đặc biệt và chiến tranh cục bộ của Mỹ ở Việt Nam theo bảng sau:

Nội dung so sánh		Chiến tranh đặc biệt (1961-1965)	Chiến tranh cục bộ (1965-1968)
Điểm giống			
Điểm khác	Lực lượng tiến hành		
	Âm mưu		
	Chiến thuật		
	Quy mô		

ĐỀ 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Mỹ dùng thủ đoạn nào sau đây để chống phá Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

A. Không chịu ký và không thừa nhận Hiệp định Giơnevơ.

B. Dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.

C. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

D. Kí với Bảo Đại các Hiệp ước Hợp tác kinh tế, văn hóa.

Câu 2. Hình thức đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954, chủ yếu là gì?

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh chính trị, hòa bình,

C. Khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Dùng bạo lực cách mạng.

Câu 3. Từ ngày 5 -10/9/1960 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Hội nghị thành lập Đảng.

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

D. Thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 4. Lực lượng nào tham chiến chủ yếu trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam?

A. Quân đội tay sai Sài Gòn.

B. Quân đội Mỹ và quân chư hầu.

C. Quân đội Sài Gòn, quân đội Mỹ.

D. Biệt đội Sài Gòn.

Câu 5. Biện pháp nào sau đây được Mỹ và chính quyền Sài Gòn xem như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

- A. Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.
- B. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
- C. Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- D. Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

Câu 6. Thủ đoạn nào dưới đây được Mỹ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam?

- A. Sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- B. Mở những cuộc hành quân “tìm diệt”.
- C. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.
- D. Tiến hành dồn dân lập “Áp chiến lược”.

Câu 7. Địa bàn nào dưới đây là hướng tiến công chiến lược chính của Mỹ trong mùa khô thứ nhất (1965 -1966)?

- A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
- C. Đông Nam Bộ và Quảng Trị.
- D. Liên khu V và Tây Nguyên.

Câu 8. Năm 1970, Mỹ sử dụng quân đội Sài Gòn tiến công xâm lược Campuchia nhằm thực hiện âm mưu nào sau đây?

- A. Thiết lập trở lại Liên bang Đông Dương.
- B. Mở rộng chiến tranh ra toàn khu vực Đông Nam Á.
- C. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
- D. Gạt ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương.

Câu 9. Trong thời kì 1969 – 1973, miền Bắc còn làm tốt thêm nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Hậu phương cho tiền tuyến miền Nam.
- B. Trực tiếp đương đầu với đế quốc Mỹ.
- C. Vừa sản xuất vừa chiến đấu.
- D. Chi viện cho Lào và Campuchia.

Câu 10. Thắng lợi nào của quân dân ta đã buộc Mỹ kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy Mậu thân 1968.
- B. Tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.
- D. Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Câu 11. Sau Hiệp định Pari năm 1973, lực lượng nào vẫn được Mỹ giữ lại để giúp chính quyền Sài Gòn?

- A. Cố vấn quân sự.
- B. Quân đội viễn chinh.
- C. Quân đội chư hầu.
- D. Quân đội Sài Gòn.

Câu 12. Chiến dịch nào mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975?

- A. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- B. Chiến dịch Tây Nguyên.
- B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 13. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh địa bàn nào là nơi tác chiến chủ yếu của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam?

- A. Rừng núi.
- B. Nông thôn.
- C. Đô thị.
- D. Trung du.

- Câu 14.** Tháng 1 năm 1975, quân dân Việt Nam giành thắng lợi nào sau đây?
 A. Huế-Đà Nẵng. B. Tây Nguyên.
 C. Đường 9 -Nam Lào. D. Đường 14-Phước Long.
- Câu 15.** Chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam trong năm 1975, đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?
 A. Phước Long. B. Tây Nguyên. C. Huế -Đà Nẵng. D. Quảng Trị.
- Câu 16.** Thắng lợi nào của nhân dân ta đã mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội?
 A. Cách mạng tháng Tám 1945.
 B. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
 C. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.
 D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.
- Câu 17.** Đại hội nào được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định và đánh giá là “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”?
 A. Đại hội lần thứ II của Đảng.
 B. Đại hội lần thứ III của Đảng.
 C. Đại hội lần thứ IV của Đảng.
 D. Đại hội lần thứ VI của Đảng.
- Câu 18.** Mĩ – Diệm xây dựng hệ thống “Áp chiến lược” nhằm mục đích gì ?
 A. Làm cho chiến tranh tàn lụi dần.
 B. Tách dân khỏi cách mạng, nhằm cô lập lực lượng cách mạng.
 C. Hỗ trợ chương trình “bình định” miền Nam của Mĩ – Diệm.
 D. Kim kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.
- Câu 19.** Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, Mĩ và chính quyền Sài Gòn **không** thực hiện biện pháp nào dưới đây?
 A. Triển khai hoạt động chống phá miền Bắc.
 B. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét.
 C. Mở những cuộc hành quân “Tìm diệt”.
 D. Tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược.
- Câu 20.** Chiến thắng “Áp Bắc” (Mĩ Tho) tháng 1 - 1963 có ý nghĩa to lớn như thế nào?
 A. Đánh bại hoàn toàn chiến “thuật trực thăng vận”, “thiết xa vận”.
 B. Chứng tỏ khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt”.
 C. Chuyển cách mạng miền Nam từ thể giữ gìn lực lượng sang thể tiến công.
 D. Cho thấy sự lúng túng của chính quyền Sài Gòn.
- Câu 21.** Năm 1965, Mĩ bắt đầu tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam trong hoàn cảnh nào?
 A. Ở thế chủ động về chiến lược.
 B. Bị mất ưu thế về hỏa lực.
 C. Bị thất bại trên chiến trường.
 D. Bị mất ưu thế về binh lực.
- Câu 22.** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?
 A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích.

- B. Mở rộng chiến tranh xâm lược toàn Đông Dương.
- C. Mở các cuộc hành quân tìm diệt và bình định.
- D. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 23. Ý nghĩa lớn nhất của trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là gì?

- A. Buộc Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.
- B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.
- D. Buộc Mỹ phải kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 24. Điều khoản nào của Hiệp định Pari năm 1973 có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- A. Hai bên ngừng bắn và giữ nguyên vị trí ở miền Nam.
- B. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị.
- C. Các bên thừa nhận ở miền Nam có hai chính quyền.
- D. Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân các nước đồng minh.

Câu 25. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng giá trị của chiến thắng Đường 14 – Phước Long đối với việc củng cố quyết tâm và hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng Lao động Việt Nam?

- A. Trận mở màn chiến lược.
- B. Trận trinh sát chiến lược.
- B. Trận nghi binh chiến lược.
- C. Trận tập kích chiến lược.

Câu 26. Nội dung nào dưới đây là lí do Bộ Chính trị quyết định chọn Tây Nguyên để mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Tây Nguyên gần Sài Gòn, Đà Nẵng, trung tâm nam Đông Dương.
- B. Vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch mỏng, bố trí nhiều sơ hở.
- C. Lực lượng địch tập trung quân đông và mạnh.
- D. Có vị trí chiến lược quan trọng nhất ở miền Nam.

Câu 27. Nội dung nào dưới đây là lí do Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Huế- Đà Nẵng trong khi chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc?

- A. Quân đội Sài Gòn tập trung đông tại Huế, Đà Nẵng.
- B. Đây là hai căn cứ lớn của quân đội Sài Gòn ở miền Nam.
- C. Bộ chính trị nhận thấy thời cơ đến nhanh và hết sức thuận lợi.
- D. Không cho quân địch từ Tây Nguyên dồn về Huế, Đà Nẵng

Câu 28. Nguyên nhân nào dưới đây là nhân tố hàng đầu đảm bảo cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam?

- A. Hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.
- B. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- C. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.
- D. Sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Vì sao phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960) mở ra bước ngoặt đối với cách mạng miền Nam?

Câu 2 (1,0 điểm). Bằng kiến thức đã học về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), anh chị hãy phát biểu ý kiến về nhận định: “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ đúng đắn, sáng tạo*”.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	B	C	A	C	B	B	C	D	C	A	B	C	D

Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	D	B	B	C	B	C	C	D	D	B	B	C	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Vì sao phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960) mở ra bước ngoặt đối với cách mạng miền Nam?	2,0
	- Phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960) giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang.	0,50
	- Phong trào Đồng Khởi đã làm cho lực lượng cách mạng trưởng thành nhanh chóng. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập (20-12-1960) tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân miền Nam đấu tranh chống Mỹ và tay sai, thống nhất Tổ quốc.	0,50
	- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, mở đầu thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.	0,50
	- Sau phong trào ĐK, nhân dân miền Nam tiến lên tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng, với tư tưởng tiến công đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ (CLCTĐB, CLCTCB, CLVNHCT và ĐD hóa chiến tranh), với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.	0,50
2	Bằng kiến thức đã học về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), anh chị hãy phát biểu ý kiến về nhận định: “<i>Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi nhờ sự lãnh</i>	1,00

	<i>đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ đúng đắn, sáng tạo”.</i>	
	- “Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ đúng đắn, sáng tạo”. Đây là một nhận định đúng, chính xác.	0,25
	- Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam, với phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao.	0,50
	- Đó là đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn nước ta.	0,25
	- Với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch HCM, quân dân ta từng bước đánh bại Mĩ và chính quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước...	0,25

ĐỀ 5

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm)

Câu 1: Nội dung nào dưới đây là thủ đoạn của Mĩ khi thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ ở Việt Nam?

- A. Đưa quân Mĩ vào trực tiếp tham chiến.
- B. Không sử dụng quân đội Sài Gòn.
- C. Đưa quân Mĩ vào miền Nam làm cố vấn.
- D. Rút dần quân đội Mĩ về nước.

Câu 2: Chiến thắng nào dưới đây của quân và dân Miền Nam đã mở ra khả năng đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mĩ?

- A. Vạn Tường (1965).
- B. Bình Giã (1964).
- C. Ấp Bắc (1963).
- D. “Đồng khởi” (1960)

Câu 3: Nội dung nào dưới đây là âm mưu của Mĩ khi gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972?

- A. Nhằm nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.
- B. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.
- C. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Nhằm cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

Câu 4: Trong những năm (1961 – 1965), đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

- A. Việt Nam hóa chiến tranh.
- B. Chiến tranh cục bộ
- C. Chiến tranh đặc biệt.
- D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 5: Âm mưu của Mĩ khi tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai năm 1972 là gì?

- A. Cứu nguy cho chiến lược Chiến tranh cục bộ.
- B. Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh và hỏa lực với lực lượng cách mạng.
- C. Gây sức ép với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Gây sức ép buộc ta phải nhượng bộ trên bàn đàm phán ngoại giao.

Câu 6: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra và hoàn chỉnh sau khi nhận được tin thắng lợi từ chiến dịch nào?

- A. Điện Biên Phủ trên không.
- B. Huế - Đà Nẵng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975?

- A. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.
- B. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng.
- C. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- D. Hậu phương miền Bắc lớn mạnh đã chi viện cho miền Nam.

Câu 8: Chiến dịch nào kết thúc đã đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Huế - Đà Nẵng.
- B. Hồ Chí Minh.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** phải là thủ đoạn của chính quyền và quân đội Sài Gòn trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt?

- A. Tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc.
- B. Tham gia vào các cuộc hành quân “tìm diệt” của quân viễn chinh Mỹ.
- C. Thực hiện dồn dân lập “ấp chiến lược”.

Câu 10: Thắng lợi nào của quân và dân Việt Nam đã buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi năm 1975.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.
- D. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi năm 1975.

Câu 11: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 - 1960) xác định cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò như thế nào đối với cách mạng cả nước?

- A. Quyết định trực tiếp.
- B. Quan trọng nhất.
- C. Quyết định gián tiếp.
- D. Quyết định nhất.

Câu 12: Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định chọn địa bàn nào là hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?

- A. Tây Nam Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đà Nẵng.

Câu 13: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam đã thông qua nội dung nào dưới đây?

- A. Quyết định đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Đề ra chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền.
- D. Đồng ý cho nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng chống lại Mỹ – Diệm.

Câu 14: Trong những năm (1965 - 1968), đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

- A. Việt Nam hóa chiến tranh.
- B. Chiến tranh tổng lực.
- C. Chiến tranh đơn phương.
- D. Chiến tranh cục bộ.

Câu 15: Nội dung nào sau đây là nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 – 1975?

- A. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. Đế quốc Mỹ đã thất bại trong cuộc chiến tranh lạnh với Liên Xô.
- C. Nền kinh tế Mỹ bị kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Đế quốc Mỹ không nhận được sự giúp đỡ từ các nước đồng minh.

Câu 16: Chiến dịch nào sau đây thắng lợi đã cho thấy khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế?

A. Ấp Bắc

B. Bình Giã.

C. Hồ Chí Minh

D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 17: Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam đã dẫn tới sự ra đời của mặt trận nào sau đây?

A. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây là nội dung của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

C. Mỹ công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

D. Việt Nam tạm thời bị chia cắt ở vĩ tuyến 17.

Câu 19: A. Chiến tranh cục bộ.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh tổng lực.

D. Chiến tranh đơn phương.

D. Mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng. Quân đội Mỹ đóng vai trò cố vấn trong chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở Việt Nam?

Câu 20: Khi chiến dịch Tây Nguyên còn đang tiếp diễn, Đảng ta quyết định mở chiến dịch nào dưới đây?

A. Hồ Chí Minh

B. Bình Giã.

C. Đường 14 – Phước Long.

D. Huế - Đà Nẵng. .

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** phải là thủ đoạn của Mỹ khi thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh?

A. Ô ạt đưa quân đội Mỹ vào trực tiếp tham chiến ở Miền Nam.

B. Tăng cường viện trợ kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

C. Tăng cường viện trợ quân sự cho quân đội Sài Gòn.

D. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.

Câu 22: Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt, quân đội Sài Gòn sử dụng phổ biến chiến thuật nào dưới đây?

A. Tràn ngập lãnh thổ.

B. Trục thẳng vận, thiết xa vận.

C. Tìm diệt và bình định.

D. Bao vây, đánh lấn

Câu 23: Chiến thắng nào dưới đây của quân và dân miền Nam đã mở ra khả năng đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ?

A. Đồng khởi (1960).

B. Vạn Tường (1965).

C. Ấp Bắc (1963).

D. Bình Giã (1964).

Câu 24: Trong những năm (1969 – 1973), đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào dưới đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh cục bộ.

B. Đông Dương hóa chiến tranh.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 25: Chiến dịch nào sau đây kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang một giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?

- A. Tây Nguyên.
- C. Hồ Chí Minh.

- B. Huế - Đà Nẵng.
- D. Đường 14 – Phước Long.

Câu 26: Ngày 10 tháng 10 năm 1954 gắn liền với sự kiện nào dưới đây trong lịch sử dân tộc?

- A. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.
- B. Quân đội Việt Nam tiếp quản thủ đô Hà Nội.
- C. Pháp buộc phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.

Câu 27: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân và dân Việt Nam trải qua các chiến dịch nào dưới đây?

- A. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- B. Đường 14 – Phước Long, Tây Nguyên.
- C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.
- D. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.

Câu 28: Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.
- D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

II. Phần tự luận(3điểm)

Câu 1 (2 điểm): Phân tích những nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). Trong các nguyên nhân đó, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Tại sao?

Câu 2 (1 điểm): Lập bảng so sánh các chiến lược “chiến tranh Đặc biệt”, “chiến lược chiến tranh cục bộ” và chiến lược Việt Hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ về thời gian, tổng thống tiến hành, lực lượng và qui mô.

----- HẾT -----